

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2008

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng,cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		29,582,920,398	19,068,135,390
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(35,280,773,121)	(16,789,895,592)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(2,189,475,750)	(1,260,263,500)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(134,603,351)	(67,499,934)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(423,002,975)	(84,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7,063,162,536	2,845,543,642
7. Tiền chi khác cho hoạt ãnh kinh doanh	7		(11,122,407,744)	(5,508,345,156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12,504,180,007)	(1,796,325,150)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,309,406,588)	(538,754,355)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135,865,823	7,257,875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10,673,540,765)	(531,496,480)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		500,000,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4,441,089,686	3,484,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31,226,553,550)	(1,965,944,400)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(164,800,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26,450,263,864)	1,518,055,600
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(49,627,984,636)	(809,766,030)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50,962,058,453	2,028,310,291
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		1,334,073,817	1,218,544,261
Anh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VII.34		

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, Ngày 18 tháng 04 năm 2008
Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)